

Chào Heu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 539 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-BTP ngày 06/7/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-BTP ngày 26/9/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-BTP ngày 18/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-BTP ngày 25/4/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 21/STP-TTr ngày 13 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi/bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*danh mục và nội dung thủ tục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; trong đó một số thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ như sau:

1. Ban hành mới 12 thủ tục hành chính (07 thủ tục cấp tỉnh, 01 thủ tục cấp huyện, 04 thủ tục cấp xã) cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Lĩnh vực Lý lịch tư pháp: 02 thủ tục

+ Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam).

+ Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).

- Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý: 05 thủ tục

+ Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.

+ Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

+ Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý.

+ Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý.

+ Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư.

b) Cấp huyện:

- Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở: 01 thủ tục

+ Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

c) Cấp xã

- Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở: 04 thủ tục

+ Thủ tục công nhận hòa giải viên.

- + Thủ tục công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải.
- + Thủ tục thôi làm hòa giải viên.
- + Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên.

2. Sửa đổi 44 thủ tục hành chính cấp tỉnh:

- **Lĩnh vực Lý lịch tư pháp:** sửa đổi tên thủ tục, quy trình giải quyết TTHC không trực tiếp phối hợp với Công an tỉnh, chỉ phối hợp thực hiện thủ tục hành chính với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia theo Công văn số 412/CVPH-TTLLTPQG-V06 ngày 25/7/2019 của Trung tâm lý lịch quốc gia – cục hồ sơ nghiệp vụ đối với 01 thủ tục hành chính sau

+ Thủ tục “Cấp Phiếu lý lịch Tư pháp số 1, số 2” thành “Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam”.

- **Lĩnh vực nuôi con nuôi:** sửa đổi cách thức thực hiện, bổ sung cơ sở pháp lý đối với 02 thủ tục hành chính sau

- Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

- **Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý:** sửa đổi tên thủ tục, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, mẫu đơn, mẫu tờ khai đối với 07 thủ tục hành chính sau

+ Thủ tục thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật

+ Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý.

+ Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

+ Thủ tục “Công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý” thành “Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý”.

+ Thủ tục “Thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật” thành “Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý”.

+ Thủ tục “Khiếu nại về từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý” thành “Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý”.

+ Thủ tục “Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật” thành “Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý”.

- **Lĩnh vực công chứng:** sửa đổi mục lệ phí thành phí đối với 18 thủ tục hành chính sau

+ Thủ tục bổ nhiệm lại công chứng viên.

+ Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng công chứng.

- + Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng.
- + Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng công chứng hợp nhất.
- + Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng nhận sáp nhập.
- + Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng được chuyển nhượng.
- + Thủ tục công chứng bản dịch.
- + Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn.
- + Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng.
- + Thủ tục công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.
- + Thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản.
- + Thủ tục công chứng di chúc.
- + Thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản.
- + Thủ tục công chứng văn bản khai nhận di sản.
- + Thủ tục công chứng văn bản từ chối nhận di sản.
- + Thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền.
- + Thủ tục nhận lưu giữ di chúc.
- + Thủ tục cấp bản sao văn bản công chứng.

- Lĩnh vực luật sư: sửa đổi trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, mẫu đơn, mẫu tờ khai đối với 04 thủ tục hành chính sau

+ Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

+ Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư.

+ Thủ tục phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư.

+ Thủ tục phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư.

- Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề Quản lý, thanh lý tài sản: sửa đổi phí đối với 02 thủ tục hành chính sau

+ Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.

+ Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Lĩnh vực Trọng tài thương mại: sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ, biểu mẫu, cách thực hiện của thủ tục hành chính đối với 03 thủ tục hành

chính sau

- + Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài.
- + Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.
- + Thủ tục đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

- Lĩnh vực Đấu giá tài sản: sửa đổi phí đối với 06 thủ tục hành chính sau

- + Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.
- + Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

+ Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác.

+ Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

+ Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

+ Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản.

- Chuyển đổi 01 thủ tục hành chính “Cấp bản sao từ sổ gốc chính” (ở cấp tỉnh + huyện + xã) thuộc Lĩnh vực chứng thực sang Lĩnh vực hộ tịch.

3. Bãi bỏ 08 thủ tục (05 thủ tục cấp tỉnh, 03 thủ tục cấp huyện) như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý: 03 thủ tục

- + Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý.
- + Thủ tục thu hồi Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.
- + Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý tổ chức hành nghề Luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.

- Lĩnh vực Giám định tư pháp: 02 thủ tục

- + Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp.
- + Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp.

b) Cấp huyện:

- Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý: 03 thủ tục

- + Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.
- + Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý.
- + Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tư pháp tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; UBND cấp xã; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, in ấn, photô đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, THNC, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Cao Tiên Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực Hộ tịch	
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
II	Lĩnh vực Quốc tịch	
2	Thủ tục cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
3	Thủ tục cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
4	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	
5	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
6	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
III	Lĩnh vực Lý lịch Tư pháp	
7	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	
8	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	
9	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
IV	Lĩnh vực Nuôi con nuôi	
10	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
11	Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
V	Lĩnh vực Thanh tra	
12	Thủ tục tiếp nhận và giải quyết tố cáo	
13	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần đầu	

14	Thủ tục tiếp nhận giải quyết khiếu nại lần hai	
VI	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	
15	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
16	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
17	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
18	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
19	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	
20	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	
21	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	
22	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	
23	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	
24	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
25	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
26	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	
VII	Lĩnh vực Công chứng	
27	Thủ tục Bổ nhiệm công chứng viên	
28	Thủ tục Bổ nhiệm lại công chứng viên	
29	Thủ tục miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	
30	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
31	Thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
32	Thủ tục thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
33	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
34	Thủ tục tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	

35	Thủ tục chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
36	Thủ tục đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
37	Thủ tục từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	
38	Thủ tục thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi.	
39	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
40	Thủ tục đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	
41	Thủ tục cấp lại Thẻ công chứng viên	
42	Thủ tục xóa đăng ký hành nghề công chứng	
43	Thủ tục Thành lập Văn phòng công chứng	
44	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	
45	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	
46	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	
47	Thủ tục thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	
48	Thủ tục hợp nhất Văn phòng công chứng	
49	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
50	Thủ tục sáp nhập Văn phòng công chứng	
51	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	
52	Thủ tục chuyển nhượng Văn phòng công chứng	
53	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	
54	Thủ tục công chứng bản dịch	
55	Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	
56	Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	
57	Thủ tục công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	

58	Thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	
59	Thủ tục công chứng di chúc	
60	Thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	
61	Thủ tục công chứng văn bản khai nhận di sản	
62	Thủ tục công chứng văn bản từ chối nhận di sản	
63	Thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền	
64	Thủ tục nhận lưu giữ di chúc	
65	Thủ tục cấp bản sao văn bản công chứng	
66	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
67	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điếm chỉ được)	
VIII	Lĩnh vực Luật sư	
68	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đặt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	
69	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	
70	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
71	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
72	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
73	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	
74	Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
75	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
76	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	

	luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
77	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
78	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
79	Thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập	
80	Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
81	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
82	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
83	Thủ tục hợp nhất công ty luật	
84	Thủ tục sáp nhập công ty luật	
85	Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	
86	Thủ tục chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
87	Thủ tục phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	
88	Thủ tục phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	
89	Thủ tục giải thể Đoàn luật sư	
90	Thủ tục đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
91	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
92	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
93	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
IX	Lĩnh vực Giám định Tư pháp	
94	Thủ tục cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	
95	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	
96	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy	

	đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
97	Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	
98	Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	
99	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động	
100	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	
101	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
X	Lĩnh vực Tư vấn pháp luật	
102	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	
103	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
104	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
105	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	
106	Thủ tục chấm dứt hoạt động trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	
107	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	
108	Thủ tục cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	
109	Thủ tục thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
110	Thủ tục cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	
XI	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề Quản lý, thanh lý tài sản	
111	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
112	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
XII	Lĩnh vực Trọng tài thương mại	
113	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	

114	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
115	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	
116	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
117	Thủ tục đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
118	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
119	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
XIII	Lĩnh vực đấu giá tài sản	
120	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	
121	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	
122	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
123	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	
124	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	
125	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
126	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
127	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
128	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
129	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	
XIV	Lĩnh vực hòa giải thương mại	
130	Thủ tục đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	
131	Thủ tục thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	

132	Thủ tục đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	
133	Thủ tục thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	
134	Thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
135	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
136	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
137	Thủ tục tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	
138	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
139	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
140	Thủ tục thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
141	Thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
142	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
XV	Thủ tục hành chính đặc thù	
143	Thủ tục đính chính sai sót	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực Chứng thực	
1	Thủ tục chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	
3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp	

	dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
4	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
5	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
6	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
7	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
8	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
9	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
10	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
11	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
II	Lĩnh vực Hộ tịch	
12	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
14	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
15	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
16	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
17	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
18	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
19	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
20	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
21	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	

22	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
23	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
25	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
26	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
27	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
III	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở	
28	- Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I	Lĩnh vực Chứng thực	
1	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản trừ việc chứng thực chữ ký người dịch (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	
4	Thủ tục chứng thực di chúc	
5	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
6	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
7	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	

8	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
9	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
II	Lĩnh vực Hộ tịch	
11	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
12	Thủ tục đăng ký khai sinh	
13	Thủ tục đăng ký kết hôn	
14	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
15	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	
16	Thủ tục đăng ký khai tử	
17	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
18	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
19	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
20	Thủ tục đăng ký giám hộ	
21	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
22	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
23	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
25	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
26	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
27	Thủ tục đăng ký lại khai tử	
III	Lĩnh vực nuôi con nuôi	
28	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
29	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
IV	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở	
30	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
31	Thủ tục công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải	
32	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
33	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	